

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2022.

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị T1 và anh T2*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Khánh.

2. Bà Quảng Thị Đức Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thùy T1, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn H1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Anh Lê Hùng T2, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn T3, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – chị Phan Thị Thùy T1 xin xét xử vắng mặt. Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-02-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, chị T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2019, chị và anh Lê Hùng T2 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q. Từ năm 2021 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người sống không hòa thuận, anh T2 cờ bạc rượu chè, đánh đập chị, không chăm lo gia đình, hai người hiện không còn sống chung, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh T2.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Khả H2, sinh ngày 09/6/2020 và Lê Gia P, sinh ngày 02/11/2021. Khi ly hôn, chị xin được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Hùng T2 vắng mặt:

Quá trình giải quyết vụ án, anh đã được niêm yết, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân của chị T1 và anh T2 đã mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị T1 xin giải quyết cho ly hôn với anh T2, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 được ly hôn với anh T2.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Khả H2 và Lê Gia P cho chị T1 nuôi dưỡng. Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T1 không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Phan Thị Thùy T1 khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Hùng T2 và giải quyết vấn đề con chung, không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn – anh Lê Hùng T2 có địa chỉ cư trú tại thôn T3, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật Tố tụng dân sự: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Xử lý về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn – chị Phan Thị Thùy T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn – anh Lê Hùng T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phan Thị Thùy T1 và anh Lê Hùng T2 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 99, ngày 24/10/2019. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị T1 trình bày nguyên nhân vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T2 cờ bạc, rượu chè không cùng chị chăm lo gia đình, hai người không còn sống chung, tình cảm không thể hàn gắn, mâu thuẫn đến mức trầm trọng nên đề nghị giải quyết cho ly hôn với anh T2.

Quá trình giải quyết, anh T2 đã được niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh đến Tòa giải quyết nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày. Điều này chứng tỏ anh không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình, không có ý muốn hàn gắn tình cảm với chị T1. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Xác minh tại địa phương cũng thể hiện anh chị vì mâu thuẫn nên không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận: Hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T2 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị T1 và anh T2 có 02 con chung là Lê Khả H2, sinh ngày 09/6/2020 và Lê Gia P, sinh ngày 02/11/2021. Khi ly hôn, chị T1 xin quyền được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung. Địa phương nơi các cháu sinh sống cũng xác nhận các cháu đang sống cùng mẹ và được nuôi dạy tốt. Xét ý kiến của chị T1, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, qua tham khảo ý kiến của địa phương, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận ý kiến của chị T1, tiếp tục giao cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Lê Khả H1, Lê Gia P. Chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:*

Không có nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Phan Thị Thùy T1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Chị Phan Thị Thùy T1 và anh Lê Hùng T2 được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thùy T1.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Thùy T1 và anh Lê Hùng T2.

- *Về nuôi con chung:* Giao 02 con chung là Lê Khả H2, sinh ngày 09/6/2020 và Lê Gia P, sinh ngày 02/11/2021 cho chị Phan Thị Thùy T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Anh Lê Hùng T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

2. Về án phí:

Chị Phan Thị Thùy T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0005847 ngày 24/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Chị Phan Thị Thùy T1 đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn – chị Phan Thị Thùy T1 và Bị đơn – anh Lê Hùng T2 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- UBND xã Q;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Thị Thùy Dung